

**BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP NĂM 2022
(Ngày 28 tháng 10 năm 2022)**

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **NGUYỄN THỊ NHƯ NGỌC**. Ngày tháng năm sinh: 01/04/1989
- Chức vụ/chức danh công tác: Công chức Tài chính – Kế toán
- Cơ quan/đơn vị công tác: UBND Phường Ninh Thạnh
- Nơi thường trú: Số 2A, khu phố Ninh Lợi, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 072189002255 ngày cấp 29/04/2021 nơi cấp Cục trưởng cục cảnh sát.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **NGUYỄN ANH TÀI**. Ngày tháng năm sinh: 19/07/1984
- Nghề nghiệp: Nhân viên Điện lực tỉnh Tây Ninh
- Nơi làm việc⁽⁴⁾: Phường 1 – thành phố Tây Ninh – tỉnh Tây Ninh
- Nơi thường trú: Số 2A, khu phố Ninh Lợi, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 072084003598 ngày cấp 29/04/2021 nơi cấp Cục trưởng cục cảnh sát.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: **NGUYỄN THỰC UYÊN**. Ngày tháng năm sinh: 25/04/2012
- Nơi thường trú: Số 2A, khu phố Ninh Lợi, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:

3.2. Con thứ hai (trở lên):

- Họ và tên: **NGUYỄN PHƯƠNG UYÊN**. Ngày tháng năm sinh: 11/08/2015
- Nơi thường trú: Số 2A, khu phố Ninh Lợi, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thừa thứ nhất:



- Địa chỉ⁽⁸⁾: Số 2A, khu phố Ninh Lợi, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh

- Diện tích⁽⁹⁾: 137,70m²

- Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: CH01906, số phát hành BK221063

- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾:

1.1.2. Thừa thứ 2 (trở lên):

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾:

1.2.1. Thừa thứ nhất:

- Loại đất: Thổ cư + HNK; Địa chỉ: Ấp Suối Dộp, xã Thái Bình, huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh

- Diện tích: 355,6m²

- Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: CS10084 số phát hành DA125607.

- Thông tin khác (nếu có):

1.2.2. Thừa thứ 2:

- Loại đất: Thổ cư + HNK; Địa chỉ: Ấp Bàu Sen, xã Hào Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh

-Diện Tích: 537,7m²

-Giá trị:.....

-Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CS09298, số phát hành DG685209.

1.2.3. Thừa thứ 3:

- Loại đất:ODT ; Địa chỉ: KP Ninh Đức, phường Ninh Thạnh, TP Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh (mới ký hợp đồng mua bán, chưa có sổ).

-Diện Tích: 95,3m²

-Giá trị:.....

-Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: , số phát hành .

2. Nhà ở, công trình xây dựng: **Không có.**

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: Số 2A, khu phố Ninh Lợi, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh.

- Loại nhà⁽¹⁴⁾: nhà ở riêng lẻ (cấp 4)

- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾: 91m²

- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có):

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): **Không có.**

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾: **Không có.**

2.2.1. Công trình thứ nhất: **Không có.**

- Tên công trình:..... Địa chỉ:
- Loại công trình:..... Cấp công trình:
- Diện tích:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): **Không có.**

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾: **Không có.**

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾: **Không có.**

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: **Không có.**

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾: **Không có.**

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾: **Không có.**

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): **Không có.**

6.1. Cổ phiếu: **Không có.**

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu: **Không có.**

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾: **Không có.**

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾: **Không có.**

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm: **Không có.**

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾: **Không có.**

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾: **Không có.**

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾: **Không có.**

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾: **Không có.**

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾:

- Tổng thu nhập của người kê khai: 102.000.000 đồng.

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 220.000.000 đồng.

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: Không.

- Tổng các khoản thu nhập chung: 300.000.000 đồng (thu nhập từ bán đất).

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng/giảm	

	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
<p>1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất</p> <p>1.1. Đất ở</p> <p>1.2. Các loại đất khác</p> <p>2. Nhà ở, công trình xây dựng</p> <p>2.1. Nhà ở</p> <p>2.2. Công trình xây dựng khác</p> <p>3. Tài sản khác gắn liền với đất</p> <p>3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất</p> <p>3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất</p> <p>4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên</p> <p>5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.</p> <p>6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):</p> <p>6.1. Cổ phiếu</p> <p>6.2. Trái phiếu</p> <p>6.3. Vốn góp</p> <p>6.4. Các loại giấy tờ có giá khác</p> <p>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:</p>			




<p>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).</p> <p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).</p> <p>8. Tài sản ở nước ngoài.</p> <p>9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai.</p>			
--	--	--	--

Ninh Thuận, ngày 01 tháng 11 năm 2022
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)



Nguyễn Thị Hồng Quế

Ninh Thuận, ngày 28 tháng 10 năm 2022
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN
 (Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Như Ngọc